

Bản án số: 78/2023/DS-PT
Ngày: 31/8/2023
V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thái Lan và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DSST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2023/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐ-PT ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị K, sinh năm 1955; nơi cư trú: KP V, phường T thị xã S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1977; nơi cư trú: KP V, phường T thị xã S, tỉnh Phú Yên; ông Đ có mặt. Bà T ủy quyền Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, sinh năm 1971; nơi cư trú: 63 Phạm Văn Đồng, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Hồng P, sinh năm 1981;
- Ông Đỗ Hoàng X, sinh năm 1980;
- Bà Lê Thị T, sinh năm 1976;
- Bà Trần Thị C;
- Ông Lê Văn H, sinh năm 1990;
- Ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1988;
- Bà Trần Thị K;

Đồng cư trú tại: Khu phố D, phường T, thị xã S, tỉnh Phú Yên; tất cả đều vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị K và bị đơn ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị K trình bày:

Nguyên chiếc ghe số 94387-PY là do bà mua lại của vợ chồng ông Phan Ngọc Th và bà Mai Thị S. Tháng 4 năm 2021 bà biết vợ chồng ông Đ làm nghề đi biển, nên bà giao chiếc ghe số 94387-PY cho ông Đ sửa chữa để đi biển, việc sửa chữa và mua sắm vật dụng và linh kiện trên ghe đều do bà chi ra còn ông Đ chỉ góp tiền với bà mua máy ghe, mua chân vịt, 04 can dầu, 02 bình điện và đầu tư thêm để dùng vào việc đi biển. Quá trình đi biển ông Đ lén lút bán cá nên các chuyến đi biển đều thua lỗ, quá bức xúc nên bà yêu cầu ông Đ giao lại ghe nhưng ông Đ không Đ ý. Do đó, bà yêu cầu vợ chồng ông Trần Thanh Đ và Nguyễn Thị Mỹ T phải trả lại cho bà chiếc ghe và bà đã thôi lại giá trị máy ghe, chân vịt, tiền công cho ông Đ; ông Đ đã tháo lấy lại 02 bình điện nên bà K xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại Tòa án.

Ngày 01/6/2022, vợ chồng ông Đ có đơn yêu cầu phản tố, cũng như lời trình bày tại các phiên tòa, yêu cầu bà trả lại giá trị tài sản do vợ chồng ông Đ chi đầu tư và chi trả trong quá trình sửa chữa ghe số 94387-PY thì bà không Đ ý bởi lẽ: các vật dụng còn lại trên ghe 94387-PY mà Tòa đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 13/10/2021 và tiến hành định giá tài sản vào ngày 30/3/2023 là do bà chi tiền cho bà T (vợ ông Đ) để bà T giao cho ông Đ mua, nên bà yêu cầu Tòa công nhận các tài sản đã được định giá tại Biên bản định giá ngày 30/3/2023 cho bà được quyền sở hữu; đối với số tiền mà ông Đ trả trước cho ông Lê Văn H 5.000.000đ, tiền công của ông Nguyễn Tuấn T và tiền mua các món đồ lật vật khác là do bà chi tiền cho bà T (vợ ông Đ) để giao cho ông Đ mua và trả cho ông Hòa, ông Tú chứ không phải tiền của vợ chồng ông Đ nên bà không Đ ý; riêng số tiền còn nợ của ông Nguyễn Văn Niên và ông Lê Văn H bà sẽ có trách nhiệm trả cho ông Niên và ông Hòa; đối với 20 can đựng dầu không phải vợ chồng ông Đ mua nên bà không Đ ý trả lại.

** Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Kim Quyên nhận ủy quyền của bà T trình bày:*

Ông Đ thừa nhận chiếc ghe số 94387-PY là của bà K, bà có nói với vợ chồng ông Đ là lấy chiếc ghe đi biển làm ăn, khi ông đến xem ghe thì ghe chỉ còn có vỏ ghe, không có bất kỳ vật dụng gì và ghe đang xuống cấp nên ông thỏa thuận với bà K là ông đứng ra sửa chữa ghe, chi phí hai bên cùng trả, làm ăn lời lỗ chia hai thì bà K đồng ý. Sau khi sửa chữa ghe xong và đưa ghe xuống đi biển được 06 đến 07 chuyến hòa vốn, nhưng bà K cho rằng ông không chia tiền cho bà K nên bà K đòi lại ghe và xảy ra tranh chấp. Quá trình Tòa giải quyết ông Đ đồng ý giao ghe 94387-PY cho bà K và bà K đã trả lại cho ông giá trị máy ghe, chân vịt, tiền công và ông đã tháo lấy 02 bình điện đem về sử dụng, còn 01 bộ đàm ông đã lấy trả lại cho tiệm và 01 cảo cũ là của bà K nên ông không yêu cầu xem xét các loại tài sản này.

Ngày 01/6/2022, vợ chồng ông Đ có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Võ Thị K trả lại giá trị tài sản do vợ chồng ông Đ đã chi tiền để đầu tư và chi trả các khoản

để sửa chữa ghe 94387-PY của bà K như: Tiền mua các vật dụng, linh kiện còn lại trên ghe; tiền công sửa chữa mà ông Đ đã trả; tiền nhiên liệu; tiền lãi do bà K chậm trả tiền; với tổng số tiền là 124.538.377đ; cụ thể gồm các khoản sau:

(1) Các vật dụng, linh kiện được ghi nhận theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/3/2023 gồm: 01 lu lô đồng, dây nhợ cáp đầy đủ, 08 bóng điện, 01 cần bộ đàm, 04 cái ma mí nhỏ, 01 cái ma mí lớn, 02 cái móc sơ nhỏ, 04 cái móc sơ lớn, 01 cái táp lô đề, 01 cái táp lô điện, 01 vô lăng inox, 01 đuôi cào, 02 dép + 01 miệng dĩa (được chuộc lại), 01 ống tiếp lái (bằng inox), 01 buri máy, 01 bình giải nhiệt máy, 01 co nước + chân máy + bánh trón; 01 cái ray thái 125 (đồng thái), 05 dây cua roa, 01 cái cạc đăng, 01 mặt ba xi túc, 01 phi đựng dầu (loại 200 lít), 20 can dầu không, 01 bồn chứa nước, 01 ống bơm, 01 đàn dây (01 tài, 01 giỏi), 01 cọ điện, 01 sợi xích gát theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá. Tổng cộng là 47.960.750đ.

(2) Các linh kiện, vật dụng không được định giá trong Biên bản định giá ngày 30/3/2023 gồm: 01 ổ ga + 02 dây, 01 dây cáp đề, 04 bát cốc bình, 02 V cào, 165kg cáp dù thường + 02 đầu trâu theo Hóa đơn Trọng Tuấn đề ngày 14/8/2021. Tổng cộng là 11.625.000đ.

(3) Tiền nhiên liệu gồm: 02 can nhớt mới (mỗi can 02 lít) trị giá 3.000.000đ; 04 can dầu (mỗi can 20 lít) trị giá 1.335.200đ; 80 lít dầu còn lại sau khi đi biển được đựng trong phi dầu trị giá 1.335.200đ. Tổng cộng là 5.670.400đ.

(4) Tiền thế chân do vợ chồng ông Đ đã đưa cho bà K để nhận ghe là 38.000.000đ.

(5) Tiền công sửa chữa do ông Đ đã trả cho ông Lê Văn H là 5.000.000đ và ông Nguyễn Tuấn T là 800.000đ. Tổng cộng 5.800.000đ.

(6) Tiền lãi do bà K chậm trả tiền được tính đối với tổng số tiền tại các mục (1) + (2) + (3) + (4) tổng cộng số tiền 109.056.150đ; mức lãi suất 10%/năm; thời hạn tính lãi từ ngày 14/10/2021 đến ngày 14/4/2023 là 18 tháng. Tổng cộng tiền lãi là 15.482.227đ.

Đối với tiền công sửa chữa và tiền mua một số vật dụng hiện còn nợ của ông Nguyễn Tuấn T, Lê Văn H, ông Nguyễn Văn Niên. Tại phiên tòa, bà K đồng ý thanh toán cho ông Hòa và ông Niên; ông Đ sẽ thanh toán cho ông Tú nên ông Đ không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng tiền công sửa chữa là 800.000đ là ông đã trả trước cho ông Tú nên ông yêu cầu bà K trả lại cho ông. Việc ông Nguyễn Tuấn T, ông Lê Văn H rút yêu cầu độc lập; ông Nguyễn Văn Niên không yêu cầu Tòa giải quyết thì ông không có ý kiến gì.

Đối với số tiền ông Đ mượn của bà Trần Hồng Phượng 30.000.000đ, ông Đỗ Hoàng X 15.000.000đ, bà Nguyễn Thị Trúc 10.000.000đ, bà Trần Thị C 20.000.000đ, tiền dầu còn nợ của bà Trần Thị K là tiền nợ riêng của vợ chồng ông nên ông Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trúc trình bày: Trước đây vợ chồng ông Đ có nói cần tiền để mua vật tư làm ghe nên có hỏi mượn tiền bà và bà có cho vợ chồng ông Đ mượn số tiền 10.000.000đ, nay bà yêu cầu ông Đ phải trả cho bà 10.000.000đ và không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hoàng X trình bày: Bà T (vợ ông Đ) có hỏi vay tiền để mua dầu đi biển và ông có cho bà T vay 15.000.000đ. Nay bà K và ông Đ tranh chấp không liên quan gì đến ông. Bà T (vợ ông Đ) mượn tiền ông thì trả cho ông; nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P trình bày: Vợ chồng ông Đ, bà T có mượn của bà số tiền 30.000.000đ để hùn vốn mua máy ghe, nên vợ chồng ông Đ, bà T phải trả tiền cho bà. Việc tranh chấp ghe giữa ông Đ với bà K, bà không liên quan; bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H trình bày: Ông Đ có đến gara của ông làm các loại như thu hẹp cảo, làm chân máy ghe, làm đề máy, bánh trón, chạy cò nước, bộ cạc đăng và tiền xe cẩu chạy vào cảng cá Tiên Châu chở cảo về; với tổng số tiền 13.500.000đ. Ông Đ đã trả trước số tiền 5.000.000đ, còn lại 8.500.000đ chưa thanh toán. Khi ông Đ đến sửa chữa thì nói ghe của ông, sau đó ông mới biết là ghe hùn với bà K nên ông không làm nữa, nên ông yêu cầu ông Đ, bà K trả cho ông số tiền còn nợ là 8.500.000đ, nhưng bà K chấp nhận trả số tiền còn lại cho ông nên ông xin rút yêu cầu.

* Tài liệu có tại hồ sơ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn T trình bày: Ông Đ có mua của ông: 02 bình điện, mỗi cái 2.800.000đ; làm tấp lô điện 3.500.000đ; 01 cò điện 500.000đ; dây cáp đề 600.000đ; bách + cộc bình 100.000đ; 01 bảng tấp lô điện 300.000đ; 01 cò điện 520.000đ; sửa đi mô +hấp+đi ốt+ tắc chế 700.000đ; vệ sinh đề 100.000đ; với tổng số tiền là 11.420.000đ. Ông Đ đã trả trước 5.000.000đ, còn nợ lại 6.420.000đ, ông có yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà K trả cho ông Đ để ông Đ trả lại cho ông, nhưng ông Đ chấp nhận trả cho ông nên ông xin rút lại yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã S đã căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn bà Võ Thị K.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với các tài sản gồm 01 cái cảo (cũ), 01 bộ đàm, 02 bình điện.

Căn cứ vào:

+ Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

+ Các Điều 166, 167, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T; buộc bà Võ Thị K thanh toán giá trị tài sản, chi phí sửa chữa ghe biển số 94387-PY và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

cho vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T với tổng số tiền 53.304.884đ (Năm mươi ba triệu ba trăm lẻ bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng).

[2] Bác một phần yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc yêu cầu bà Võ Thị K thanh toán giá trị tài sản và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T với tổng số tiền 71.233.493đ (Bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

[3] Bác yêu cầu của bà Võ Thị K về việc được quyền sở hữu, sử dụng các loại tài sản gồm: 01 lu lô đồng, dây nhợ cáp đầy đủ, 08 bóng điện, 01 căn bộ đàm, 04 cái ma mí nhỏ, 01 cái ma mí lớn, 02 cái móc sơ nhỏ, 04 cái móc sơ lớn, 01 tạp lô đề, 01 cái tạp lô điện, 01 vô lăng inox, 01 đuôi cào, 01 ống tiếp lái (bằng inox), 01 buri máy, 01 bình giải nhiệt máy, 01 co nước + chân máy + bánh trón, 02 cái ray thái 125 (đồng thái), 05 dây cua roa, 01 cái cạc đăng, 01 mặt ba xi túc, 01 phi đựng dầu (loại 200 lít), 20 can dầu không, 01 bồn chứa nước, 02 ống bô, 02 đàn dây (01 tài, 01 giới), 01 cộ điện, 01 sợi xích gát và không Đ ý trả số tiền 5.000.000đ mà ông Đ đã trả cho ông Lê Văn H và số tiền 800.000đ mà ông Đ trả cho ông Nguyễn Tuấn T.

[4] Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị K về việc yêu cầu được quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản 02 dép + 01 miệng đã.

[5] Giành quyền khởi kiện một vụ án khác cho các ông bà Đỗ Hoàng X, Lê Thị T, Trần Thị Hồng P, Trần Thị C, Trần Thị K khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí định giá, thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/5/2023, bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T kháng cáo.

Ngày 09/5/2023, nguyên đơn bà Võ Thị K kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Về thủ tục tố tụng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý và giải quyết sơ thẩm, bản án sơ thẩm có kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà T yêu cầu bà K thanh toán lại cho vợ chồng ông Đ giá trị các loại tài sản có trên ghe:

Theo biên bản định giá ngày 30/3/2023, các tài sản gồm: 01 lu lô đồng, dây nhợ cáp đầy đủ, 08 bóng điện, 01 cần bộ đàm, 04 cái ma mí nhỏ, 01 cái ma mí lớn, 02 cái móc sơ nhỏ, 04 cái móc sơ lớn, 01 cái táp lô đề, 01 cái táp lô điện, 01 vô lăng inox, 01 đuôi cào, 02 dép + 01 miệng dĩa (được chuộc lại), 01 ống tiếp lái (bằng inox), 01 buri máy, 01 bình giải nhiệt máy, 01 co nước + chân máy + bánh trón, 02 cái ray thái 125 (đồng thái), 05 dây cua roa, 01 cái cạc đăng, 01 mặt ba xi túc, 01 phi đựng dầu (loại 200 lít), 20 can dầu không, 01 bồn chứa nước, 02 ống bơ, 02 đàn dây (01 tài, 01 giỏi), 01 cộ điện, 01 sợi xích gạt. Tổng giá trị thực tế là 50.485.000đ, giá trị sử dụng 95%, tổng cộng là 47.960.750đ.

Các linh kiện, vật dụng không được định giá trong biên bản định giá ngày 30/3/2023 gồm: 01 ổ ga, 02 dây trị giá 900.000đ, 01 dây cáp đề trị giá 450.000đ, 04 bát cộc bình trị giá 100.000đ, 02 V cảo trị giá 1.000.000đ, 165kg cáp dù thường + 02 đầu trâu theo hoá đơn Trọng Tuấn đề ngày 14/8/2021 trị giá 9.175.000đ. Tổng cộng là 11.625.000đ.

Thấy rằng, ông Đ cung cấp hóa đơn của hiệu buôn Phúc Hưng ghi nhận 02 bơm rây thái, hóa đơn của hiệu buôn Trọng Tuấn ghi nhận 165kg cáp dù thường + 02 đầu trâu; bảng kê của gara ông Nguyễn Văn Niên ghi nhận thay bộ ri bơm nước, thay bi bơm nước, bình dầu lô đồng; Bảng kê của ông Lê Văn H ghi nhận 01 bộ chân máy; bảng kê của ông Nguyễn Tuấn T ghi nhận 01 tốp lô đề, dây cáp đề; bách + cộ bình 01 bản tốp lô điện, 01 cộ điện; ông Huỳnh Hữu Sơn xác nhận là có làm và bán cho ông Đ 01 bình giải nhiệt với giá 3.800.000đ. Riêng các loại linh kiện, vật dụng gồm: dây nhợ cáp đầy đủ, 08 bóng điện, 01 cần bộ đàm, 04 cái ma mí nhỏ, 01 cái ma mí lớn, 02 cái móc sơ nhỏ, 04 cái móc sơ lớn, 01 vô lăng inox, 01 đuôi cào, 01 ống tiếp lái (bằng inox), 01 buri máy, 01 co nước + bánh trón, 05 dây cua roa, 01 cái cạc đăng, 01 mặt ba xi túc, 01 phi đựng dầu (loại 200 lít), 20 can dầu không, 01 bồn chứa nước, 02 ống bơ, 02 đàn dây (01 tài, 01 giỏi), 01 sợi xích gạt. Ông Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng được bà K thừa nhận là do ông Đ trực tiếp mua và sửa chữa. Tuy bà K khẳng định bà là người đưa tiền cho bà T để giao cho ông Đ mua nhưng tài sản trên bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc buộc bà K thanh toán lại khoản tiền mua các tài sản nêu trên, tổng giá trị là 41.310.750đ (đã trừ tiền 02 dép + 01 miệng dĩa) và giao các linh kiện cho bà K đang sử dụng để đi biển.

[2.2] Đối với các linh kiện, vật dụng gồm: 01 ổ ga + 02 dây, 01 dây cáp đề, 04 bát cộc bình, 02 V cảo, 165kg cáp dù thường + 02 đầu trâu không được các đương sự đề cập trong biên bản xem xét thẩm định ngày 13/10/2021. Ông Đ cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh các linh kiện, vật dụng này do ông mua hay trả tiền. Bà K cũng không thừa nhận các vật dụng này. Bà K đã thuê thợ đến kiểm tra và mua mới nhiều linh kiện để thay thế và sửa chữa lại ghe nên tài sản trên ghe đã thay đổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định ngày 17/4/2023 nhưng các đương sự không hợp tác nên không thực hiện được, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà T đối với các linh kiện, vật dụng trên.

[2.3] Đối với tài sản là 02 dép + 01 miệng đã được ghi nhận tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/10/2021 và Biên bản định giá ngày 30/3/2023: Ông Đ thừa nhận tài sản này là của bà K đưa tiền mua. Trong quá trình ông đi biển thì bị mất, sau đó có người nhặt được và ông Đ đưa ra 7.000.000đ để chuộc lại nhưng ông Đ không chứng minh được tiền đó do ông đưa ra và bà K cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

[2.4] Đối với yêu cầu hoàn trả tiền công gồm 5.000.000đ ông Đ trả trước cho ông Lê Văn H và 800.000đ tiền sửa chữa của ông Nguyễn Tuấn T. Ông Hòa và ông Tú xác định ông Đ là người trực tiếp trả tiền cho 02 ông. Bà K không chứng minh được khoản tiền này do bà đưa cho vợ chồng Đồng, Thảo để trả cho thợ nên có căn cứ buộc bà K phải trả lại khoản tiền này cho vợ chồng ông Đ.

[2.5] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Đ hoàn trả tiền nhiên liệu gồm: 08 lít dầu sau khi đi biển còn trong phi đựng dầu có trên ghe (giá 16.690đ/lít) trị giá 1.335.200đ; 04 can dầu (mỗi can 20 lít, giá 16.690đ/lít) trị giá 1.335.200đ; 02 can lin (tức là nhớt mới, mỗi can 20 lít, giá 75.000đ/lít) trị giá 3.000.000đ; ông Đ cho rằng các nhiên liệu này do ông Đ đưa tiền mua nhưng không được bà K thừa nhận và ông Đ cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Đ về tiền thế chân 38.000.000đ mà ông đưa ra cho bà K nhưng không được bà K thừa nhận; đồng thời, ông cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.7] Xét yêu cầu trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Vợ chồng ông Đ yêu cầu trả lãi do bà K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền 41.310.750đ theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian 18 tháng là có căn cứ. Nên buộc bà K phải trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là $41.310.750đ \times 10\%/năm \times 18 \text{ tháng} = 6.194.134đ$.

Phần tiền lãi còn lại là 9.288.093đ (15.482.227đ - 6.194.134đ) do vợ chồng ông Đ yêu cầu bà K trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[2.8] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị K:

Từ nhận định tại mục [2.1] và [2.4], nên có cơ sở buộc bà K phải trả số tiền là $41.310.750 + 6.194.134 + 5.000.000 + 800.000 = 53.304.884đ$ là có cơ sở.

Từ những căn cứ như trên cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Thanh Đ và yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166, 167, 357 BLDS năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản của bà Võ Thị K; đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Thanh Đ đối với các tài sản gồm: 01 cái cào (cũ), 01 bộ đàm, 02 bình điện.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Thanh Đ. Buộc bà Võ Thị K phải thanh toán giá trị tài sản, chi phí sửa chữa ghe biển số 94387-PY và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T với tổng số tiền 53.304.884đ (*Năm mươi ba triệu ba trăm lẻ bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng*).

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Thanh Đ về việc yêu cầu bà Võ Thị K thanh toán giá trị tài sản và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng ông Trần Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ T với tổng số tiền 71.233.493đ (*Bảy mươi một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*).

[4] Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị K về việc được quyền sở hữu, sử dụng các loại tài sản gồm: 01 lu lô đồng, dây nhợ cáp đầy đủ, 08 bóng điện, 01 cần bộ đàm, 04 cái ma mí nhỏ, 01 cái ma mí lớn, 02 cái móc sơ nhỏ, 04 cái móc sơ lớn, 01 táp lô đề, 01 cái táp lô điện, 01 vô lăng inox, 01 đuôi cào, 01 ống tiếp lái (bằng inox), 01 buri máy, 01 bình giải nhiệt máy, 01 co nước + chân máy + bánh trón, 02 cái ray thái 125 (đồng thái), 05 dây cua roa, 01 cái cạc đăng, 01 mặt ba xi túc, 01 phi đựng dầu (loại 200 lít), 20 can dầu không, 01 bồn chứa nước, 02 ống bơ, 02 đàn dây (01 tài, 01 giới), 01 cọ điện, 01 sợi xích gặt và không Đ ý trả số tiền 5.000.000đ mà ông Đ đã trả cho ông Lê Văn H và số tiền 800.000đ mà ông Đ trả cho ông Nguyễn Tuấn T.

[5] Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị K về việc yêu cầu được quyền sở hữu đối với tài sản 02 dép + 01 miệng đã.

[6] Giành quyền khởi kiện một vụ án khác cho các ông bà Đỗ Hoàng X, Lê Thị T, Trần Thị Hồng P, Trần Thị C, Trần Thị K khi có yêu cầu.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Võ Thị K và vợ chồng Nguyễn Thị Mỹ T mỗi người phải chịu 1.525.000đ. Bà K đã nộp tạm ứng 3.050.000đ nên vợ chồng bà T phải hoàn trả lại cho bà K 1.525.000đ.

[8] Về án phí:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T, ông Trần Thanh Đ phải chịu 3.561.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp 4.934.000đ tiền tạm ứng án phí DSST ở biên lai thu tiền số 000306 ngày 01/6/2022 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSPT ở biên lai thu tiền số 0008400 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, nên hoàn lại cho vợ chồng bà T 1.373.000đ.

Bà Võ Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST và DSPT.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng

